

Số: 244/2026/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 310/2026/TLST-VLĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 229/2026/QĐST-VLĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Đào Thị Ngọc N, sinh năm 1995; thường trú: Tổ A, ấp B, phường D, thành phố Đồng Nai, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 2000; thường trú: Tổ C, ấp V, xã H, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: tổ D, khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH C; địa chỉ: khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1980; nơi cư trú: số nhà X khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH C; địa chỉ: khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2026), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở D-Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường T, khu trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/7/2026), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, bà Đào Thị Ngọc N trình bày:

Bà Đào Thị Ngọc N, sinh ngày 10/01/1995. CCCD: 0891950xxxxxx cấp ngày 05/04/2023, làm việc tại Công ty TNHH Quốc Tế Atừ tháng 11/2016 đến tháng 8/2017, có tham gia BHXH và được cấp sổ BHXH số 7716011213 và tại Công ty TNHH P từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2022, có tham gia BHXH và được cấp sổ BHXH số 752685xxxx.

Bà Đào Thị Ngọc N khai do có nhu cầu rút BHXH thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà N lại có thêm thời gian đóng BHXH từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 tại Công ty TNHH C nên thời gian tham gia BHXH của bà N bị trùng từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017.

Lý do trùng vì: Từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017, bà Đào Thị Ngọc N có cho bà Hồ Thị Kim L mượn giấy CMND để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C với tên Đào Thị Ngọc N và tham gia BHXH từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017. Vì thời điểm trên, bà Hồ Thị Kim L chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên đã mượn giấy CMND của bà N để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C từ tháng 04/2016. Hiện nay, hợp đồng ký kết vào tháng 04/2016 của Hồ Thị Kim L với Công ty TNHH C đã thất lạc nên bà N không thể cung cấp cho Tòa án.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Đào Thị Ngọc N với Công ty TNHH C, là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Đào Thị Ngọc N và Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 vô hiệu.

Đối với thời gian tham gia BHXH tại Công ty TNHH C với tên của bà N thì bà N chưa làm thủ tục hưởng BHXH. Bà N xác định không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền này. Sau này có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc trùng thông tin này bà cũng chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định, bà N yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết việc lao động

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị Kim L trình bày:

Bà Hồ Thị Kim L, sinh ngày 14/5/2000, CCCD: 0893000xxxxx cấp ngày 23/5/2025. Bà L là em dâu của bà Đào Thị Ngọc N. Bà L xác nhận vào thời điểm năm 2016, vì có nhu cầu xin việc làm nhưng bà L chưa đủ 18 tuổi nên chưa ký được hợp đồng lao động, bà L mượn giấy CMND của bà N và sử dụng thông tin của bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C, làm việc tại đây từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017, tham gia BHXH với mã số 74160xxxxx, thực tế trong khoảng thời gian này bà N không làm việc tại Công ty này mà đang làm việc tại Công ty TNHH Quốc Tế A, người thực tế ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C là bà Hồ Thị Kim L.

Nay bà N có nhu cầu điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty TNHH C từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà L (lấy tên Đào Thị Ngọc N) với Công ty TNHH C là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên bà L đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà N, thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Đào Thị Ngọc N (do bà L là người ký kết) và Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 vô hiệu.

Đối với sổ BHXH mã số 74160xxxxx tại Công ty TNHH C với tên Đào Thị Ngọc N thì bà L và bà N chưa làm thủ tục hưởng số tiền này. Sau này cơ quan BHXH có thẩm quyền giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc trùng thông tin này và liên quan đến số tiền này như thế nào bà L cũng chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định để điều chỉnh lại thông tin sổ BHXH của bà N. Bà L yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết việc lao động.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C, ông Trần Quốc H trình bày:

Qua làm việc thì Công ty được biết người yêu cầu bà Đào Thị Ngọc N cho bà Hồ Thị Kim L mượn giấy CMND để đi ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C. Do thời điểm năm 2016, bà L ký với tên bà N, nay bà N làm thủ tục hưởng BHXH thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng thời gian đóng BHXH từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 do bà N có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C.

Thực tế, trong quá trình tuyển dụng người lao động vào làm việc, Công ty TNHH C sẽ căn cứ và hồ sơ xin việc có xác nhận hoặc công chứng của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó người lao động cam kết các thông tin và hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật và người lao động hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Việc bà Đào Thị Ngọc N cho bà Hồ Thị Kim L sử dụng hồ sơ để làm việc tại Công ty TNHH C là việc làm hoàn toàn chủ động của người yêu cầu bà N và

bà L. Việc mượn hồ sơ, sử dụng danh tính của người khác để xin việc là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Phía Công ty luôn tuân thủ pháp luật, tôn trọng pháp luật và người lao động, căn cứ trên nguyện vọng của người lao động thể hiện bằng mong muốn xin việc làm tại Công ty để giao kết hợp đồng với người lao động. Tuy nhiên, Công ty không có các công cụ, phương tiện để kiểm tra hồ sơ, giấy tờ là thật hay giả, người lao động là thật hay giả. Công ty chỉ có thể căn cứ trên sự xác nhận của các cơ quan chức năng. Mặt khác, Công ty TNHH C đảm bảo đã thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ khác, đóng đủ BHXH cho người lao động có tên Đào Thị Ngọc N, người đã ký hợp đồng với công ty.

Xét thấy sự việc này đã xảy ra rất lâu, từ năm 2016, Công ty TNHH C đã thay đổi nhân viên quản lý nhân sự, người lao động cũng đã nghỉ việc, toàn bộ hồ sơ nhân sự nghỉ việc của công ty đối với người lao động này không còn nên không ai có thể xác định được người lao động đã làm việc trong thời gian này tại công ty thật sự là Đào Thị Ngọc N hay người khác. Việc này chỉ là sự khai báo đơn phương từ bà Đào Thị Ngọc N.

Việc kết luận sự việc này hoặc tuyên Hợp đồng lao động đã ký trong vụ việc này là vô hiệu toàn bộ là quyền hạn của Tòa án nhân dân, Công ty thống nhất việc Tòa án Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Đào Thị Ngọc N (do bà L là người ký kết) và Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 vô hiệu.

Công ty TNHH C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Đào Thị Ngọc N và đối với vụ việc này. Tuy nhiên, Công ty TNHH C sẵn sàng hợp tác hỗ trợ người lao động trong khả năng của mình. Người đại diện theo ủy quyền của công ty yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết việc lao động.

- Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở D-Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, BHYT, BHTN của bà Đào Thị Ngọc N sinh năm 1995, số CCCD 0891950xxxxxx, thì Công ty TNHH C có tham gia BHXH, BHTN cho bà Đào Thị Ngọc N theo số sổ BHXH 74160xxxxx có quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Ngoài ra, bà Đào Thị Ngọc N còn có mã số 7716011213 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2016 đến tháng 08/2017 tại Công ty TNHH Quốc Tế A.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Đào Thị Ngọc N và Công ty TNHH C, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số

145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Đào Thị Ngọc N, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Đào Thị Ngọc N, phía BHXH không có ý kiến. Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Cơ sở Dĩ An yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết việc lao động.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa; người yêu cầu bà Đào Thị Ngọc N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị Kim L, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An – Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH C đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về nội dung giải quyết: Theo nội dung trình bày của đương sự và nội dung cung cấp thông tin của BHXH cơ sở Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định: Bà Đào Thị Ngọc N có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp ở: mã số BHXH 7716011213 từ tháng 11/2016 đến tháng 8/2017 và mã số BHXH 752685xxxx từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2022. Trong đó, thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017, do bà Hồ Thị Kim L sử dụng thông tin của bà N thực hiện ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cường Thịnh C&T.

Do đó, việc bà Hồ Thị Kim L sử dụng hồ sơ mang tên Đào Thị Ngọc N ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH tại Công ty TNHH C là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại Bộ luật lao động. Do đó, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Đào Thị Ngọc N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị Kim L, Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH C có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời trình bày của bà Đào Thị Ngọc N trong quá trình tố tụng phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình tố tụng và tại Công văn số 1413/BHXH-QLT ngày 09/6/2026, trong

khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 8/2017, người lao động bà Đào Thị Ngọc N, sinh ngày 10/01/1995. CCCD: 0891950xxxxxx cấp ngày 05/04/2023, làm việc tại Công ty TNHH Quốc Tế Avới mã số BHXH 7716011213 và tại Công ty TNHH P với mã số BHXH 752685xxxx. Tuy nhiên, cùng thời gian này, bà N lại có tên tham gia BHXH tại đơn vị khác là Công ty TNHH C với mã số BHXH 74160xxxxx từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017.

Bà N xác định thời gian này người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là bà Hồ Thị Kim L. Bà L là em dâu của bà Đào Thị Ngọc N. Vào thời điểm năm 2016, do có nhu cầu xin việc làm nhưng bà L chưa đủ 18 tuổi nên chưa ký được hợp đồng lao động nên bà L mượn giấy CMND của bà N và sử dụng thông tin của bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C&T, làm việc tại đây từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017, tham gia BHXH với mã số 74160xxxxx, thực tế trong khoảng thời gian này bà N không làm việc tại Công ty này mà đang làm việc tại Công ty TNHH Quốc Tế A, người thực tế ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C là bà Hồ Thị Kim L.

Như vậy, việc bà L sử dụng giấy CMND, thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An – Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH của bà N bị trùng từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2017.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Ngọc N về việc: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Đào Thị Ngọc N và Công ty TNHH C vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đào Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đào Thị Ngọc N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đào Thị Ngọc N với Công ty TNHH C theo sổ Bảo hiểm xã hội có mã số 74160xxxxx bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ Bảo hiểm xã hội mã số 74160xxxxx không phải là bà Đào Thị Ngọc N, sinh ngày 10/01/1995, CCCD: 0891950xxxxxx cấp ngày 05/04/2023.

2. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đào Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000378 ngày 02/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh